CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
ARCH - DRAG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Công trình : **Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ**
Địa điểm : **Phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng**
Chủ đầu tư : **UBND phường Ngũ Hành Sơn**
Điều hành dự án : **Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Ngũ Hành Sơn**
Đơn vị tư vấn : **Công ty CP Tư vấn xây dựng Arch – Drag**

signed-12052026 16:11:06-tran.tran.tran

Đơn vị đề xuất chủ trương
TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG PHƯỜNG NGŨ HÀNH SƠN

Nguyễn Văn Tiến

Đơn vị tư vấn lập chủ trương
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ARCH - DRAG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tài

MỤC LỤC

PHẦN I:

THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

PHẦN II:

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

CHƯƠNG I: SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH CÓ LIÊN QUAN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ.

CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VỊ ĐẦU TƯ.

CHƯƠNG III: DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN, NGUỒN LỰC KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN.

CHƯƠNG IV: DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH BỐ TRÍ VỐN PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN HỢP LÝ, BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ TẬP TRUNG, CÓ HIỆU QUẢ.

CHƯƠNG V: XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN SAU KHI HOÀN THÀNH.

CHƯƠNG VI: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.

CHƯƠNG VII: PHÂN CHIA CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN.

CHƯƠNG VIII: GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

CHƯƠNG IX: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN.

tranh_2/05/2026_16:10:00 trant_tract-rat

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ.

2. Dự án nhóm: Dự án nhóm C, Công trình giao thông cấp II.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND phường Ngũ Hành Sơn.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch UBND phường Ngũ Hành Sơn.

5. Chủ đầu tư: UBND phường Ngũ Hành Sơn

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Arch - Drag.

8. Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư xây dựng dự án Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ nhằm mục đích giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường đồng thời khớp nối mạng lưới giao thông, hạ tầng kỹ thuật, góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn và thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực.

9. Nội dung quy mô đầu tư

- Đầu tư xây dựng tuyến đường với chiều dài 755m, bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

+ Bề rộng mặt đường: B = (2,0+5,5+2,0)m=9,5m.

+ Mô đun đàn hồi yêu cầu: Eyc ≥ 120Mpa.

+ Kết cấu mặt đường bằng bêtông nhựa trên nền cấp phối đá dăm.

+ Bó vỉa bằng bêtông xi măng lắp ghép, chân bó vỉa bằng bêtông xi măng đổ tại chỗ, vỉa hè lát gạch Tezzaro.

+ Hố trồng cây bằng thanh bê tông xi măng lắp ghép.

+ Tổ chức giao thông theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

+ Xây dựng cống thoát nước mưa dọc đường bằng cống hộp có khẩu độ B=(2000x2000)mm.

+ Xây dựng mương thoát nước thải bằng ống HDPE D300 dọc hai bên tuyến thu gom nước thải chờ đổ về hệ thống thoát nước thải thành phố.

+ Làm mới đường ống cấp nước D63 HDPE đi dọc 2 bên vỉa hè để cấp nước cho người dân và làm mới đường ống cấp nước D110 HDPE đi bên phải tuyến để cấp nước phòng cháy chữa cháy.

+ Xây mới tuyến đường dây hạ thế và lắp đặt lưới điện chiếu sáng mới vào vị trí trụ hạ thế theo quy hoạch được duyệt.

trant-12052026_6:11:06-trant-trant.txt

- Đối với việc ngầm hóa hệ thống viễn thông và các hệ thống đường dây khác, trong quá trình triển khai sẽ thông báo cho các đơn vị chủ quản được biết và phối hợp thực hiện từ nguồn vốn doanh nghiệp.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 – 2028.

- Năm 2025-2026: Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

- Năm 2026-2028: Triển khai thực hiện dự án.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/20219/QH14 và và Luật số 62/2020/QH14;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Luật đấu thầu số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2023;

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố các bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-SXD ngày 12/02/2026 của SXD thành phố Đà Nẵng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-SXD ngày 12/02/2025 của SXD thành phố Đà Nẵng về việc Công bố Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao nhiệm vụ cho UBND các xã, phường triển khai thực hiện đầu tư các dự án theo phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư dự án do các Ban Quản 1ý dự án thuộc UBND thành phố thực hiện sang UBND các xã, phường làm chủ đầu tư;

- Căn cứ Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách thành phố Đà Nẵng, dự án có tính chất đầu tư sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND phường Ngũ Hành Sơn về việc điều chỉnh và bổ sung kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

PHẦN II
NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN
CHƯƠNG I
SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH CÓ LIÊN QUAN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Hiện tại khu vực chuẩn bị đầu tư xây dựng tuyến đường khe nước chảy từ Bá Tùng đến Bình Kỳ là khu vực trũng thấp nên nước đọng gây ô nhiễm môi trường.

Việc đầu tư xây dựng tuyến đường là phù hợp quy hoạch và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường cho khu vực là điều cần thiết.

Việc xây dựng tuyến đường này còn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kết nối giao thông từ đường Mai Đăng Chơn đi khu đô thị Hoà Quý. Tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông trong khu vực. Xây dựng tuyến đường còn làm đẹp cảnh quan khu vực và tạo hành lang pháp lý trong việc cấp phép xây dựng.

Đồng thời hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là cần thiết hiện nay.

Làm cơ sở để thực hiện các bước xây dựng cơ bản tiếp theo.

II. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

1. Điều kiện kinh tế xã hội

Về thị trường bán lẻ hàng hóa tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt, năm 2024 doanh thu ước đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng, tăng 12,2% so với năm 2023, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Các mặt hàng chủ lực như dệt may, thủy sản, sản phẩm động cơ, điện, điện tử trong năm qua có nhiều đơn hàng tăng trở lại, góp phần tăng sản phẩm phục vụ tiêu dùng và đa dạng, phong phú chủng loại hàng hóa xuất khẩu.

Theo số liệu thống kê, ước đến cuối năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của Đà Nẵng đạt 1,916 tỷ USD, tăng 3,2% so với năm 2023; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 1,315 tỷ USD, tăng 15,2%.

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng có nhiều bứt phá mạnh mẽ. Lần đầu tiên sau nhiều năm, giá trị gia tăng khu vực công nghiệp - xây dựng trong 6 tháng cuối năm đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với khu vực dịch vụ (quý 3/2024 tăng 11,5%; quý 4 tăng 14,8%) trở thành 1 trong 2 trụ cột tăng trưởng kinh tế thành phố.

Ngành công nghiệp công nghệ thông tin tiếp tục khẳng định là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Đà Nẵng với doanh thu năm 2024 ước đạt 18.486 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm 2023; kim ngạch xuất khẩu phần mềm đạt 159 triệu USD.

Thời gian qua, Đà Nẵng đã tập trung mạnh mẽ nguồn lực triển khai các hoạt động đẩy mạnh phát triển vi mạch, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI) theo định hướng phát triển chiến lược quốc gia. Thành phố Đà Nẵng đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khu Công viên phần mềm số 2 là Khu CNTT tập trung; thành lập Trung tâm Nghiên cứu, đào tạo thiết kế vi mạch (DSAC); ban hành Đề án Phát triển chip vi mạch, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Cùng với đó, hoạt động xúc tiến đầu tư được thành phố tập trung đẩy mạnh, trong năm 2024, Đà Nẵng đã thu hút được 213,4 triệu USD vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tăng 17,9% so với cùng kỳ 2023 và thu hút được 70,9 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư trong nước. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 ước đạt 32,85 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ 2023.

Năm qua, thành phố Đà Nẵng đã nỗ lực tháo gỡ các điểm nghẽn trong lĩnh vực đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi giúp các ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư công, tích cực giải ngân vốn đầu tư phát triển. Nhờ đó, các công trình động lực, trọng điểm được tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, kịp thời khởi công, khánh thành, đưa vào sử dụng nhiều dự án, công trình quan trọng. Đến nay thành phố đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dự án đường cao tốc Hoà Liên - Tuý Loan, đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14B (đoạn qua địa bàn Đà Nẵng). Đồng thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ thống nhất một số chủ trương nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối dự án Cảng Liên Chiểu (Phần kêu gọi đầu tư) và Nút giao đầu tuyến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi làm cơ sở triển khai thi công trong thời gian đến.

2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

Tuyến đường đề xuất hiện trạng là tuyến mương đất, bị bồi lấp nhiều nơi, ứ đọng vào mùa mưa nên gây ô nhiễm môi trường.

a) Giao thông, thoát nước:

- Chỉ có một số đoạn đường bê tông dân sinh dọc theo tuyến mương.

- Thoát nước là mương đất, bị bồi lấp nhiều chỗ.

b) Hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin:

- Điện chiếu sáng và hạ thế chưa có.

- Thông tin liên lạc chưa có.

3. Điều kiện về quy hoạch

- Về quy hoạch: Tuyến Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND quận Ngũ Hành Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Lộ giới kiệt hẻm phường Hoà Quý, quận Ngũ Hành Sơn.

- Theo điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thì khu vực xây dựng được quy hoạch là đất đơn vị ở. Vì vậy, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Phù hợp với định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của thành phố.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển của khu vực.

4. Điều kiện về vốn:

Nguồn vốn ngân sách thành phố.

5. Kế hoạch đầu tư:

Dự án nằm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt.

tam-17052026-1k-1106-tram-tram-tram

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

I. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Việc đầu tư xây dựng dự án Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ nhằm mục đích giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường đồng thời khớp nối mạng lưới giao thông, hạ tầng kỹ thuật, góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn và thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực.

II. QUY MÔ ĐẦU TƯ

1. Các căn cứ

Căn cứ Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND quận Ngũ Hành Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Lộ giới kiệt hẻm phường Hoà Quý, quận Ngũ Hành Sơn;

2. Lựa chọn quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Nhóm dự án: Nhóm C (theo điều 10, Luật đầu tư công);

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp II (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD);

- Loại công trình: Công trình giao thông, cấp nội bộ; loại đường nhóm nhà ở, vận tốc thiết kế 30Km/h theo QCVN 07-4:2023/BXD.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật:

Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Đường khu vực
- Vận tốc thiết kế tuyến	Km/h	30
- Vận tốc thiết kế nút	Km/h	20
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn	m	30
- Độ dốc dọc lớn nhất		
- Bán kính dường cong đứng tối thiểu giới hạn	%	4
+ Lồi	m	250
+ Lõm	m	250
- Tải trọng		
+ Đường	trục	70 KN
+ Công trình		0,5 HL93

- Tiêu chuẩn áp dụng chủ yếu:

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	**Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm**	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008
2	Quy trình khảo sát đường ô tô	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401-2012
6	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; 1:10000; 1:25000 (phần ngoài trời)	96TCN 43-90
7	Khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
II	**Tiêu chuẩn thiết kế**	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình thoát nước	QCVN 07-2: 2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông	QCVN 07-4: 2023/BXD

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
3	Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
4	Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2024
5	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCXDVN 13592-2022
6	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
7	Kết cấu bê tông và BTCT- Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển	TCVN 9436:2012
8	Tiêu chuẩn TCVN "Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế"	TCVN 7957:2023
9	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
11	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
12	Gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013
13	Gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476 :1999
14	Kết cấu cầu thép – Yêu cầu chung về chế tạo, lắp ghép và nghiệm thu	TCVN 10307:2014
15	Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2024
16	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn chữa cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD
17	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2023/BXD
18	Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
19	Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện	TCVN 4756 : 1989
20	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 13608:2023
21	Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN13606-2023
22	Tiêu chuẩn ống HDPE	TCVN 7305:2003; ISO 4427:1996

tkcs-1-2026-026-16:11:06-trant-trant-trant

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
23	Tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy	TCVN 3890-2023
24	Ống, phụ tùng nối ống, phụ kiện bằng gang dẻo và các mối nối dùng cho các công trình dẫn nước	TCVN 10177:2013; ISO 2531:2009
25	Hệ thống ống nhựa - ống Polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước	TCVN 7305-1,2,3,4,5:2008; ISO 4427-1,2,3,4,5:2007
26	Tiêu chuẩn ống thép đúc	ASTM-A53
27	Tiêu chuẩn ống và phụ tùng thép không rỉ	ASTM A312/778
28	Thiết bị chữa cháy – trụ nước chữa cháy – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6379:1998
III	**Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu**	
1	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
2	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
3	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
4	Công tác đất - Thi công nghiệm thu	TCVN 4447:2012
5	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436 : 2012
6	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
7	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
8	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567-1:2022
9	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
10	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
11	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang	TCVN 8791:2018

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
	nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	
12	Sơn và lớp phủ kim loại - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011
13	Sơn tín hiệu giao thông	TCVN 8786:2011 TCVN 8787:2011 TCVN 8788:2011
14	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
15	Sơn tường dạng nhũ tương - Phương pháp xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012
16	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.	TCVN 9377:2012
17	Cầu và cống – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS 05:2012/TCĐBVN
18	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
19	Quy trình lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công – Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4252:2012
20	Quy trình thiết kế các công trình phụ trợ thi công cầu	TCVN 11815:2017
21	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651:2018
22	Thép cốt bê tông – hàn hồ quang	TCVN 9392:2012
23	Xi măng Pooclăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
24	Xi măng Pooclăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
25	Xi măng Pooclăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020

Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

III. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

- Khu vực triển khai dự án thuộc phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Phạm vi đầu tư:

+ Điểm đầu: giao với đường Mai Đăng Chơn.

+ Điểm cuối: tiếp giáp khu Đô thị mới Hoà Quý.

+ Chiều dài tuyến: L=755m.

IV. NỘI DUNG ĐẦU TƯ CHỦ YẾU (GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHỦ YẾU)

1. Thiết kế giao thông.

a) Thiết kế tuyến

- Bình đồ tuyến: Tim tuyến bám theo quy hoạch được duyệt. Tổng chiều dài tuyến L= 755m.

- Trắc dọc: Hệ cao độ sử dụng trong đồ án là hệ cao độ quốc gia. Cao độ thiết kế phù hợp với quy hoạch các khu vực lân cận được phê duyệt.

- Trắc ngang:

+ Bề rộng nền đường : 9,5m

+ Bề rộng mặt đường : 5,5m

+ Bề rộng lề đường : 2x2,0m

- Nền đường:

Nền đường đắp: Vận chuyển đất từ mỏ đến đắp, yêu cầu đất đắp phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Mặt đường: Kết cấu áo đường từ trên xuống bao gồm các lớp sau:

Kết cấu mặt đường thiết kế mới:

+ Bê tông nhựa chặt 9,5 dày 4cm

+ Tưới nhựa dính bám 0,5 lít/m2

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm

+ Tưới nhựa thấm bám 1,0 lít/m2

+ Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 dày 15cm

+ Lớp đất đồi K98 hoặc CPĐD dày 30cm

+ Đất nền đầm chặt K95

Kết cấu mặt đường trên cống hộp:

+ Bê tông nhựa chặt 9,5 dày 4cm

+ Tưới nhựa dính bám 0,5 lít/m2

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm

+ Tưới nhựa thấm bám 1,0 lít/m2

+ Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 dày 15cm

+ Cống hộp

b) Bó vỉa

trant1_2052016_10:41:06trant-trant-trant-trant

- Kết cấu bó vỉa: Bó vỉa vát cao 12,5cm so với mép đường, gồm 2 phần:

+ Phần đổ tại chỗ (thớ dưới): kết cấu bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.

+ Phần lắp ghép (thớ trên): kết cấu bằng BTXM M250, mô đun L=1m.

c) Nút giao thông

- Thiết kế các nút giao thông bằng hình thức giao cắt đơn giản cùng mức tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt, bán kính Rmin=3m.

d) An toàn và tổ chức giao thông

- Trên tuyến bố trí đầy đủ cọc tiêu, biển báo hiệu các chỉ dẫn tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41-2024.

2a. Thoát nước mưa

- Phương án thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa được thu gom vào cống hộp 2000x2000 và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu đô thị Hoà Quý.

- Bố trí mương tại các điểm đấu, thu gom nước của khu vực hai bên tuyến đường.

- Kết cấu cụ thể như sau:

* Mương dọc:

+ Đan mương bằng BTCT đá 1x2 M250.

+ Thân, đáy mương bằng BT đá 1x2 M200

+ Lớp đệm cấp phối đá dăm D37,5 dày 10cm.

* Cống hộp:

+ Bằng BT đá 1x2 M250

+ Lớp đệm cấp phối đá dăm D37,5 dày 10cm.

* Hố ga:

+ Đan đậy bằng tấm gang hapulico D80cm.

+ Hố ga bằng BTXM M250 đá 1x2 trên lớp đệm cấp phối đá dăm D37,5 dày 10cm.

* Cửa thu nước: Cửa thu nước nằm ngang bằng bê tông cốt thép có tấm đan chắn rác bằng gang và van lật ngăn mùi, kết cấu như sau:

+ Hố thu bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2.

+ Tấm chắn rác bằng gang.

+ Mương ngang bằng ống HDPE D200.

+ Ngăn mùi bằng van lật ngăn mùi HDPE.

2b. Thoát nước thải

+ Phương án thu gom, xử lý và nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải trong

tkcs-12052026_16.31.06-trant-tran-tran

khu vực chủ yếu là nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom từ nhà dân ra mương thoát nước thải của dự án và đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên đường Mai Đăng Chơn, sau đó chuyển về trạm xử lý nước thải Hòa Xuân xử lý đảm bảo yêu cầu trước khi xả ra môi trường.

+ Phương án xây dựng: Xây dưng mương thoát nước thải bằng ống HDPE D300 dọc hai bên cống hộp để thu gom nước thải chờ đổ về hệ thống thoát nước thải thành phố.

3. Hệ thống cấp điện

3.1 Phương án lưới điện hạ thế và điện kế

- Xây mới tuyến đường dây hạ thế để lắp đặt đến vị trí mới trên vỉa hè theo quy hoạch được duyệt.

- Xây dựng mới trụ BTLT 8,5m và móng trụ hạ thế tại vị trí mới của tuyến đường để di dời tuyến đường dây hạ thế hiện hữu sau khi mở đường. Các cột tuyến đường dây hạ thế xây dựng được bố trí trên vỉa hè.

- Dây dẫn: Sử dụng loại cáp vặn xoắn ABC-A(4x95) phù hợp với mặt bằng quy hoạch.

- Tất cả các phụ kiện đường đều thay mới phù hợp với chủng loại cáp vặn xoắn (khoá đỡ, khoá néo), có hệ số an toàn cơ học của phụ kiện ở chế độ bình thường không nhỏ hơn 2,5 và chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,7

- Công tơ điện:

+ Tất cả các công tơ trên cột hiện trạng sẽ được lắp đặt với nhu cầu sử dụng của người dân

+ Các xà lắp công tơ làm mới cho các vị trí cột ly tâm 8,5m.

- Nối đất: Sử dụng hệ thống tiếp đất cọc tia hỗn hợp loại Rg-2. Dùng hệ thống nối đất cọc - tia hỗn hợp. Cọc thép thép ống dài 6 mét được khoan thả giếng bố trí cách nhau 6 mét, liên kết bằng thép tròn Φ12, chôn sâu cách mặt đất tự nhiên 0,8 mét. Toàn bộ hệ thống nối đất phải mạ kẽm. Điện trở nối đất theo quy định nếu chưa đạt trị số yêu cầu thì đóng bổ sung cho đến khi nào đạt mới thôi.

- Móng cột: Móng khối MT-1H, MT-2H và móng trụ đôi MTĐ-1H được đúc tại chổ, từ 3 ngày sau khi đúc móng mới được dựng cột, nên lấp đất hố móng khi dựng cột xong để đảm bảo móng được giữ ẩm tốt.

3.2 Phương án lưới điện chiếu sáng

- Lắp đặt lưới điện chiếu sáng mới vào vị trí trụ hạ thế

- Lắp mới đường dây cáp vặn xoắn 5 ruột XLPE-ABC-A(5x16).

- Đèn chiếu sáng: Thay thế toàn bộ đèn Sodium hiện trạng bằng đèn Led công suất 60W nhằm tiết kiệm năng lượng điện theo chủ trương thành phố.

- Cần đèn và chụp cần đèn:

+ Toàn bộ chụp cần đèn trên cột được gia công từ thép hình và thép tấm có giới hạn chảy tiêu chuẩn fy = 240N/mm2, mạ kẽm nhúng nóng ≥80µm theo TCVN5408-2007, liên kết bằng bu lông và hàn điện. Bu lông đai ốc chế tạo theo TCVN 1876-76, TCVN 1896-76.

- Tiếp địa: Hệ thống tiếp địa đường dây chiếu sáng được nối chung vào tiếp địa đường dây hạ thế bằng dây tiếp địa trên thân trụ. Trừ các vị trí chưa có thì đóng bổ sung hệ thống tiếp địa loại Rg-2. Sử dụng hệ thống tiếp đất cọc tia hỗn hợp loại Rg-2. Dùng hệ thống nối đất cọc - tia hỗn hợp. Cọc thép thép ống dài 6 mét được khoan thả giếng bố trí cách nhau 6 mét, liên kết bằng thép tròn Φ12, chôn sâu cách mặt đất tự nhiên 0,8 mét. Toàn bộ hệ thống nối đất phải mạ kẽm. Điện trở nối đất theo quy định nếu chưa đạt trị số yêu cầu thì đóng bổ sung cho đến khi nào đạt mới thôi.

4. Cấp nước:

- Làm mới đường ống cấp nước D63 HDPE đi dọc 2 bên vỉa hè để cấp nước cho người dân.

- Làm mới đường ống cấp nước D110 HDPE đi bên phải tuyến để cấp nước phòng cháy chữa cháy.

- Yêu cầu kỹ thuật: Trong quá trình thi công đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục cho các điểm đấu nối cấp nước.

- Chủng loại ống: Các đoạn ống qua đường có đường kính ≥ 100mm sử dụng ống gang dẻo lòng xi măng, ống có đường kính Φ50 dùng ống nhựa HDPE – PE100 – PN12,5 có lồng ống thép bên ngoài. Chủng loại phụ tùng: sử dụng vật liệu gang dẻo, nhựa HDPE, các vật liệu khác phù hợp.

- Mương đào đặt ống đảm bảo chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,8m (tính từ đỉnh ống đến nền đường hoàn thiện). Bề rộng mương đào: B = 0,8 ÷ 1 (m).

- Quy trình vận hành: Đường ống sau khi lắp đặt xong phải thử áp lực P ≥ 1,5P công tác, và súc xả toàn tuyến.

5. Hệ thống thông tin liên lạc:

Bố trí hố ga kỹ thuật và hệ thống ống nhựa xoắn HDPE D130/100 dọc 2 bên tuyến để phục vụ ngầm hóa cáp thông tin trên tuyến đường sau này theo hình thức xã hội hoá (do hiện trạng đang có các tuyến cáp quang do các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, sẽ được UBND quận Ngũ Hành Sơn yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông phối hợp hạ ngầm cáp thông tin trong quá trình triển khai xây dựng). Không đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công.

6. Phương án giải phóng mặt bằng:

a. Ranh giới giải phóng mặt bằng: Giải phóng mặt bằng trong phạm vi xây dựng công trình.

b. Phương án giải phóng mặt bằng: Nhà nước đền bù và bố trí tái định cư.

vanthuquan.vn-1705-2025-06:14:06-thant-thant-thant

c. Khối lượng giải phóng mặt bằng sơ bộ: Theo văn bản số 120/CNKV2-KT của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng Chi nhánh khu vực 2 ngày 06/02/2026 về việc cập nhật khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ tại phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng**.**

d. Phương án tái định cư: Dự kiến bố trí 06 lô đất tái định cư đường 7,5m đã có đất thực tế (05 lô dự kiến bố trí hộ giải toả và 01 lô dự phòng).

CHƯƠNG III

DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN, NGUỒN LỰC KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. CƠ SỞ LẬP SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư

xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND thành phố về việc Công bố các bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-SXD ngày 12/02/2026 của SXD thành phố Đà Nẵng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-SXD ngày 12/02/2025 của SXD thành phố Đà Nẵng về việc Công bố Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ công bố giá các loại vật liệu chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hiện hành tại thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ Công văn số 120/CNKV2-KT của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng Chi nhánh khu vực 2 ngày 06/02/2026 về việc cập nhật khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ tại phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

- Và các văn bản liên quan khác.

II. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Tổng mức đầu tư dự án bao gồm các khoản:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm chi phí bồi thường về đất, nhà, công trình trên đất, các tài sản gắn liền với đất, trên mặt nước và chi phí bồi thường khác theo quy định; các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; chi phí tái định cư; chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí sử dụng đất, thuê đất trong thời gian xây dựng (nếu có); chi phí di dời, hoàn trả cho phần hạ tầng kỹ

thuật đã được đầu tư xây dựng (nếu có) và các chi phí có liên quan khác;

- Chi phí xây dựng gồm chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình xây dựng của dự án; công trình, hạng mục công trình xây dựng tạm, phụ trợ phục vụ thi công; chi phí phá dỡ các công trình xây dựng không thuộc phạm vi của công tác phá dỡ giải phóng mặt bằng đã được xác định trong chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cơ cấu chi phí xây dựng gồm: chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng;

- Chi phí quản lý dự án gồm các chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng gồm chi phí tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo chủ trương đầu tư, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; chi phí thiết kế, chi phí tư vấn giám sát xây dựng công trình và các chi phí tư vấn khác liên quan.

- Chi phí khác gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình như chi phí rà phá bom mìn, vật nổ; chi phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng; các khoản phí, lệ phí thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng; chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và các chi phí cần thiết khác để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình...

- Chi phí dự phòng gồm chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án.

- Tổng mức đầu tư: 73.072.443.000 đồng (Bảy mươi ba tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng y).

Trong đó:

- Chi phí đền bù giải tỏa:	34.984.034.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	31.142.550.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	676.076.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.334.348.000 đồng
- Chi phí khác:	472.852.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	3.462.583.000 đồng

III. CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

- Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách phường.

IV. MỨC VỐN VÀ KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN

- Chi phí trong dự kiến tổng mức đầu tư phù hợp theo quy định, làm cơ sở xác định mức vốn tối đa để bố trí cho dự án.

CHƯƠNG IV
DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH BỐ TRÍ VỐN PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN HỢP LÝ, BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ TẬP TRUNG, CÓ HIỆU QUẢ

- Thời gian thực hiện dự án 2025-2028, trong đó:

+ Năm 2025-2026: Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

+ Năm 2026-2028: Triển khai thực hiện dự án.

CHƯƠNG V
XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN SAU KHI HOÀN THÀNH

- Chi phí liên quan đến đầu tư dự án: Được xác định trong dự kiến tổng mức đầu tư đã nêu ở Chương III - Dự kiến tổng mức đầu tư.

- Chi phí vận hành dự án là chi phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên và chi phí trung tu, đại tu theo quy định. Nguồn vốn bố trí cho các chi phí này được lấy từ ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm.

CHƯƠNG VI
PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

- Dự án thuộc đối tượng đánh giá sơ bộ tác động môi trường để làm căn cứ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

II. SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

Đầu tư dự án mang lại các lợi ích về kinh tế - xã hội là:

- Cùng với sự phát triển của thành phố, đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu dân cư, đáp ứng với yêu cầu phát triển giao thông, phục vụ dân sinh đồng thời đảm bảo công tác cứu nạn, cứu hộ khi có các sự cố xảy ra, góp phần thúc đẩy đời sống nhân dân, kinh tế khu vực phát triển;

- Tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện mức sống, tăng hiệu suất sử dụng đất đai - tác động kinh tế và xã hội thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực.

- Giảm thời gian và chi phí hoạt động đi lại - tác động trực tiếp.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường sẽ góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông, nâng cao đời sống cho nhân dân trên địa bàn, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế, khai thác hết tiềm năng vốn có của thành phố, nhất là tạo sự thuận lợi cho các khu dân cư lân cận.

CHƯƠNG VII
PHÂN CHIA CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

- Dự án không phân chia dự án thành phần.

CHƯƠNG VIII
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi chủ trương đầu tư dự án được phê duyệt và được bố trí vốn, Chủ đầu tư triển khai thực hiện đầu tư dự án theo đúng quy định hiện hành, trong đó:

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Thiết kế các bước theo quy định.

- Triển khai thực hiện các gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức quản lý tiến độ, chất lượng công trình theo các quy định hiện hành.

- Quản lý khai thác sử dụng: Theo phân cấp.

- Lựa chọn Đơn vị tư vấn: tổ chức lựa chọn những đơn vị có kinh nghiệm và có giấy phép hành nghề tư vấn trong lĩnh vực thiết kế công trình đúng quy định thông qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu.

- Lựa chọn Đơn vị thi công: tổ chức lựa chọn những đơn vị có kinh nghiệm và có giấy phép hành nghề thi công trong lĩnh vực xây dựng công trình đúng quy định của Pháp luật về lựa chọn nhà thầu.

CHƯƠNG IX
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc đầu tư xây dựng Đường khe nước Bá Tùng đi Bình Kỳ nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường đồng thời đảm bảo điều kiện giao thông, mỹ quan đô thị của khu vực, đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân, đồng thời hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Do vậy, việc đầu tư nâng cấp là cần thiết.

Kính trình UBND phường Ngũ Hành Sơn thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án.